

Số: 371/TB-NĐND

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v: Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-NĐND ngày 01/6/2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc Phê duyệt giá khởi điểm, chào bán đấu giá và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn đơn vị xử lý, tiêu thụ tro xỉ của NMNĐ Nhiệt điện Na Dương;

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV Thông báo về việc lựa chọn đơn vị tư vấn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.
- Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm và chất lượng của tài sản đấu giá

a) Tên tài sản, số lượng đấu giá: Quyền xử lý, khai thác, tiêu thụ tro xỉ trong quá trình sản xuất và tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, chi tiết như sau:

| Stt | Tài sản đấu giá | Đvt | Khối lượng chào bán |
|-----|--|----------------------|---------------------|
| 1 | Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm | m ³ | 300.000 |
| 2 | Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương | m ³ | 3.675.000 |
| - | Tổng cộng | m³ | 3.975.000 |

b) Giá khởi điểm tài sản đấu giá:

Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: Chi tiết như sau:

| STT | Tên hàng hoá | Đơn giá (đồng/m ³) | Khối lượng dự kiến (m ³) | Thành tiền (đồng) |
|---|--|-----------------------------------|---|-----------------------|
| 1 | Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm | 3.000 | 300.000 | 900.000.000 |
| 2 | Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương | 3.000 | 3.675.000 | 11.025.000.000 |
| - | Tổng cộng | | 3.975.000 | 11.925.000.000 |
| Bảng chú: Mười một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu đồng./. | | | | |

- Mức giá trên là mức giá tối thiểu, đã bao gồm thuế GTGT và không bao gồm chi phí bốc xúc, nâng hạ, vận chuyển và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có).

- Địa điểm lấy (nhận) hàng:

+ Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm: Khu vận hành thải xỉ ngoài hàng rào Nhà máy (thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

+ Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương: Khu vực bãi tập kết tro xỉ của Nhà máy (Thôn 1+2, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

c) Chất lượng của tro xỉ: Tro xỉ đã được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn:

- Tro xỉ sản sinh sau quá trình sản xuất của NMNĐ Na Dương trong vòng 01 năm, gồm:

+ Chứng nhận hợp chuẩn tro bay tại chân silo dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng theo TCVN 10302:2014 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol cấp số 05831-QPV-2 ngày 23/12/2025, hiệu lực đến ngày 22/12/2028;

+ Chứng nhận sản phẩm tro xỉ nhiệt điện đốt than làm phụ gia khoáng cho xi măng phù hợp với TCVN 6882:2016 do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp số 189-1/2025VKH ngày 30/7/2025, có hiệu lực đến ngày 29/7/2026;

- Tro xỉ tồn trên bãi chứa tro xỉ của NMNĐ Na Dương

+ Chứng nhận hợp chuẩn tro bay tại chân silo dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng theo TCVN 10302:2014 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol cấp số 05831-QPV-2 ngày 23/12/2025, hiệu lực đến ngày 22/12/2028;

+ Chứng nhận hợp chuẩn tro, xỉ tại bãi chứa làm phụ gia khoáng cho bê tông đầm lãm theo TCVN 8825:2011 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol cấp số 05831-QPV-2 ngày 30/12/2025, hiệu lực đến ngày 29/12/2028;



+ Chứng nhận sản phẩm tro xỉ nhiệt điện đốt than làm phụ gia khoáng cho xi măng phù hợp với TCVN 6882:2016 do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng cấp số 189-1/2025VKH ngày 30/7/2025, có hiệu lực đến ngày 29/7/2026;

+ Chứng nhận sản phẩm tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp phù hợp với TCVN 12249:2018 do Công ty CP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol cấp số 05831-QPV-3 ngày 07/4/2026 có hiệu lực đến ngày 06/4/2029.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các nhóm tiêu chí quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và Thông tư số 19/2024/TT-BTP, bao gồm: *Bảng tiêu chí đánh giá tại Phụ lục đính kèm theo.*

4. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá

Việc lựa chọn tổ chức đấu giá được thực hiện trên cơ sở chấm điểm đối với hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá nộp hồ sơ theo đúng thời gian ghi tại **mục 6** Thông báo này.

Tiêu chí để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm các tiêu chí đánh giá, chấm điểm, đơn vị được lựa chọn là đơn vị đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đánh giá, chấm điểm. Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai (02) tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó. Trong trường hợp chỉ có một đơn vị đăng ký tham gia đấu giá, đơn vị được lựa chọn nếu đáp ứng được các tiêu chí và có điểm chấm tối thiểu là 60 điểm.

Lưu ý: Việc đánh giá và chấm điểm căn cứ hồ sơ nộp khi đăng ký tham gia tổ chức đấu giá của Tổ chức đấu giá, có kiểm tra đối chiếu với các thông tin trên Trang Thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp (<http://dgts.moj.gov.vn>). Các tiêu chí không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh sẽ không được xem xét.

5. Hồ sơ nộp đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

Hồ sơ nộp để đăng ký tham gia tổ chức đấu giá gồm:

- Văn bản/Công văn đề nghị đăng ký tham gia tổ chức đấu giá;
- Các giấy tờ, hồ sơ chứng minh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá ghi tại **mục 3** Thông báo này;
- Giấy giới thiệu của tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá;
- Bản photo CCCD/HC của người nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

6. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời hạn nộp hồ sơ: **Trong 04 (bốn) ngày làm việc** kể từ ngày đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng KHĐT-VT, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (*Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn*).

97034
 ỨNG TY
 ỆT ĐIỆN
 ỨNG-T
 TÔNG C
 LỤC TK
 TCP
 G-T.L

- Số điện thoại liên hệ: 0205.3844 263.

- Hình thức: Nộp trực tiếp (Trong ngày làm việc, giờ hành chính: Sáng từ 07h30' đến 11h30'; Chiều từ 13h00' đến 16h30'). Người đến nộp phải mang theo giấy giới thiệu và thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (mang bản gốc để đối chiếu).

*** Lưu ý:**

- Công ty nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trường hợp nhận qua đường bưu điện thì bộ hồ sơ phải được gửi trước giờ quy định. Người đến nộp hồ sơ trực tiếp phải mang theo bản chính Giấy giới thiệu của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (có dấu đỏ) và bản photo căn cước công dân/Căn cước hoặc hộ chiếu (mang bản gốc đi để đối chiếu);

- Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá đã nộp không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

Thông báo này được công khai trên trang Thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp (<http://dgts.moj.gov.vn>).

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

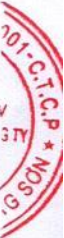
Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Các Tổ chức Đấu giá tài sản;
- Trang Web TKV (để đăng tải);
- Trang Web dienluctkv (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT, LĐT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Tuyên



PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Thông báo số 37A /TB-NĐND ngày 01 / 6 /2026)

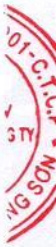
| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|--------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2. | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 |
| 3. | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0 |
| 4. | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến | 1,0 |
| 5. | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 16,0 |

| | | |
|-----|---|------|
| 1. | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| 2. | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ) | 4,0 |
| 3. | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá | 4,0 |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật | 2,0 |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá | 2,0 |
| 4. | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá | 4,0 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 |
| 1. | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá | 12,0 |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá | 13,0 |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá | 14,0 |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên | 15,0 |
| 2. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào) | 4,0 |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành | 5,0 |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành | 6,0 |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên | 7,0 |
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |



| | | |
|-----|---|-----|
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch) | 4,0 |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc | 5,0 |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc | 6,0 |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên | 7,0 |
| 4. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$ | |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$ | |
| 5. | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên | 7,0 |
| 6. | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 3,0 |

| | | |
|-----|---|-----|
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 4,0 |
| 7. | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên | 4,0 |
| 8. | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 9. | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không | 8,0 |



| | | |
|---------------------|---|------------|
| | chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này) | |
| 1. | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó | 1,0 |
| 2. | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 4,0 |
| 3. | Tổ chức đấu giá tài sản có thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản nhiều năm nhất tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ tổ chức hành nghề đấu giá có thời gian hoạt động lâu năm nhất mới được tính điểm. | 3,0 |
| Tổng số điểm | | 100 |